

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2015**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. <b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1-3
2. <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4-5
3. <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	6-7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015	9
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015	10 – 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

### **1. Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số 1116626, đăng ký lần đầu vào ngày 17/06/1997, thay đổi đăng ký lần thứ 7 vào ngày 27/04/2005.

Ngày 24/09/2010, Công ty đã chuyển thành Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4000100890 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 08/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: 204 Phan Chu Trinh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam.

Thông tin về chi nhánh :

#### **Tên**

#### **Địa chỉ**

Chi Nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam tại Thành phố Tam Kỳ 475 Phan Chu Trinh, P. Phước Hòa, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam.

Chi Nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam tại Huyện Duy Xuyên Quốc lộ 1A, TT. Nam Phước, H. Duy Xuyên, T. Quảng Nam

### **2. Hoạt động kinh doanh của Công ty:**

- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, động vật sống, thực phẩm, vải, hàng may mặc, giày dép và các đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

### **3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm của báo cáo này (từ trang 6 đến trang 23).

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**5. Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng trong năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Thanh	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Nhơn	Quyền Giám đốc chi nhánh Tam Kỳ
Ông Phan Phước Thành	Giám đốc chi nhánh Duy Xuyên
Bà Lê Thị Hồng Loan	Kế toán trưởng

**6. Công ty Kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ vào cùng ngày. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc khẳng định Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc cam kết rằng, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tam Kỳ, ngày 27 tháng 05 năm 2016*

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Giám đốc**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam, được lập ngày 27/05/2016, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận công nợ tạm ứng với số tiền là: 50.108.340 đồng và phải trả khác với số tiền là: 1.181.064.935 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số dư của các khoản mục trên.

2. Trong năm tài chính 2015, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 190.648.002 đồng. Nếu ghi nhận đúng, chi tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước năm 2015 sẽ tăng lên 190.648.002 đồng và lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung**

---

**P. Giám đốc**  
**Lê Thị Vân Trâm**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1470-2013-099-01

---

**Kiểm toán viên**  
**Lê Duy**  
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2138-2013-099-01

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Mẫu B 01 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.345.338.470</b>	<b>5.369.105.623</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.074.673.672</b>	<b>1.309.354.536</b>
1.	Tiền	111	V.1	1.074.673.672	1.309.354.536
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.317.132.159</b>	<b>3.801.890.466</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	206.814.000	189.660.603
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	50.000.000	559.645.554
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.060.318.159	3.052.584.309
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>818.342.514</b>	<b>225.864.696</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	818.342.514	225.864.696
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>135.190.125</b>	<b>31.995.925</b>
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		135.190.125	31.995.925
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.120.046.072</b>	<b>6.790.356.696</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
6.	Phải thu dài hạn khác	216		50.000.000	50.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.037.803.982</b>	<b>1.797.377.909</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.037.803.982	1.797.377.909
	Nguyên giá	222		4.635.096.191	4.596.119.827
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.597.292.209)	(2.798.741.918)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.711.423.319</b>	<b>515.068.197</b>
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.711.423.319	515.068.197
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.320.818.771</b>	<b>4.427.910.590</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	4.320.818.771	4.427.910.590
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>13.465.384.542</b>	<b>12.159.462.319</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.952.657.725</b>	<b>7.453.225.424</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.301.407.725</b>	<b>7.203.225.424</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	104.244.959	175.103.312
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.583.000	21.583.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	2.843.161.616	1.915.444.870
4.	Phải trả người lao động	314		105.595.050	139.750.050
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	1.465.100.179	1.463.370.340
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	226.359.292	398.257.474
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.672.793.629	1.474.356.378
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.879.570.000	1.615.360.000
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>651.250.000</b>	<b>250.000.000</b>
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	651.250.000	250.000.000
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.15	<b>4.512.726.817</b>	<b>4.706.236.895</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4.512.726.817</b>	<b>4.706.236.895</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.131.970.000	6.131.970.000
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.619.243.183)	(1.425.733.105)
	-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.425.733.105)	(1.500.372.010)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(193.510.078)	74.638.905
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>13.465.384.542</b>	<b>12.159.462.319</b>

**Lê Thị Hồng Loan**  
Người lập biểu

**Lê Thị Hồng Loan**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Thanh**  
Giám đốc  
Tam Kỳ, ngày 27/05/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	12.636.805.252	17.412.936.652
2.	Các khoản giảm trừ	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.636.805.252	17.412.936.652
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.17	11.508.849.521	16.300.784.377
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.127.955.731	1.112.152.275
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.205.097	12.941.501
7.	Chi phí tài chính	22	V.18	156.277.346	130.644.047
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		156.277.346	130.644.047
8.	Chi phí bán hàng	25	V.19	321.759.692	205.065.595
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.20	1.326.050.955	1.379.493.642
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(674.927.165)	(590.109.508)
11.	Thu nhập khác	31	V.21	2.555.023.892	3.025.854.237
12.	Chi phí khác	32	V.22	2.073.606.805	2.361.105.824
13.	Lợi nhuận khác	40		481.417.087	664.748.413
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(193.510.078)	74.638.905
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(193.510.078)	74.638.905
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

**Lê Thị Hồng Loan**  
Người lập biểu

**Lê Thị Hồng Loan**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Thanh**  
Giám đốc  
Tam Kỳ, ngày 27/05/2016

**CÔNG TY CỔ XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Mẫu B 03 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(193.510.078)	74.638.905
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao tài sản cố định	02		156.985.126	205.078.360
	- Các khoản dự phòng	03			-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.366.212.172)	(2.496.016.140)
	- Chi phí lãi vay	06		156.268.798	130.644.047
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.246.468.326)	(2.085.654.828)
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		496.564.107	62.675.679
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(592.477.818)	280.079.816
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		830.222.762	(282.506.892)
	(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)				
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		107.091.519	1.486.802.211
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(152.518.959)	(130.244.047)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(675.640.334)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.557.586.715)	(1.344.488.395)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.881.491.486)	(507.329.797)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.537.732.240	2.953.769.824
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.205.097	12.941.501
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		657.445.851	2.459.381.528
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.533.360.000	12.889.751.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.867.900.000)	(12.761.341.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		665.460.000	128.410.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(234.680.864)	1.243.303.133
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.309.354.536	66.051.403
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.074.673.672	1.309.354.536

**Lê Thị Hồng Loan**  
Người lập biểu

**Lê Thị Hồng Loan**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Thanh**  
Giám đốc  
Tam Kỳ, ngày 27/05/2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn:** Vốn cổ phần.

**2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, động vật sống, thực phẩm, vải, hàng may mặc, giày dép và các đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

### **II. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **III. Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức Kế toán: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đều được ghi nhận như khoản tương đương tiền.

Đồng tiền được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND); các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

#### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân thời điểm.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

**4. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian thực tế sử dụng nhưng tối đa không quá 03 năm.

**5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**

Tài sản cố định được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24/04/2013. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả thương mại, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Nếu:

- Có thời hạn thanh toán có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

- Có thời hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại nợ dài hạn.

### **7. Ghi nhận tiền lương:**

Quỹ tiền lương được xác nhận trên cơ sở tiền lương thực tế trả cho người lao động theo hợp đồng lao động được Công ty ký duyệt.

### **8. Ghi nhận Vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

### **10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện**

- Thuế Giá trị gia tăng: thuế suất 10% đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **11. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Tại Công ty, các bên được xác định là bên liên quan gồm Cổ đông công ty, Ban lãnh đạo Công ty (gồm Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng) và các thành viên mật thiết của họ như: cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đơn vị: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
(i) Tiền mặt	36.409.000	282.767.000
(ii) Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam	1.038.250.801	1.026.573.665
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	13.871	13.871
<b>Cộng</b>	<b>1.074.673.672</b>	<b>1.309.354.536</b>

*(i) Bao gồm*

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Văn phòng Công ty	1.978.000	27.410.000
Chi Nhánh Tam Kỳ	20.788.000	14.047.000
Chi Nhánh Duy Xuyên	13.643.000	241.310.000
<b>Cộng</b>	<b>36.409.000</b>	<b>282.767.000</b>

*(ii) Bao gồm*

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Văn phòng Công ty	1.028.320.111	391.658.867
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Nam	4.524.837	54.924.013
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Nam	1.091.558	1.385.208
+ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – CN Quảng Nam	1.004.233.203	-
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Quảng Nam	2.414.807	2.370.840
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – CN Quảng Nam.	3.311.226	332.978.806
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam –CN Quảng Nam.	12.744.480	-
<b>Chi Nhánh Tam Kỳ</b>	<b>2.403.295</b>	<b>202.324.475</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Nam	795.449	200.729.613
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Nam	1.607.846	1.594.862
<b>Chi Nhánh Duy Xuyên</b>	<b>7.527.395</b>	<b>432.590.323</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5.133.650	4.064.763
+ Ngân hàng Đông Á - PGD Duy Xuyên	2.393.745	428.525.560
<b>Cộng</b>	<b>1.038.250.801</b>	<b>1.026.573.665</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>3.500.000</i>	<i>-</i>
<i>Chi Nhánh Tam Kỳ</i>	<i>198.114.000</i>	<i>171.188.603</i>
+ Đặng Duy Khánh	80.868.000	83.868.000
+ Trần Thị Tuyền	12.000.000	12.000.000
+ Đặng Văn Ngữ	4.500.000	22.500.000
+ Bùi Xuân Pháp	10.000.000	10.000.000
+ Đối tượng khác	90.746.000	42.820.603
<i>Chi Nhánh Duy Xuyên</i>	<i>5.200.000</i>	<i>18.472.000</i>
+ Hồ Quang Mỹ	-	14.182.000
+ Cao Thanh Hoàn	-	4.290.000
+ Ngân hàng Vietcombank	5.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>206.814.000</u></b>	<b><u>189.660.603</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>-</i>	<i>439.645.554</i>
+ Công ty TM&DV Thành Trí	-	439.645.554
<i>Chi Nhánh Duy Xuyên</i>	<i>50.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
+ Công ty TNHH Hà Nhân Bình	-	70.000.000
+ Công ty TNHH Tuấn Trí	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>50.000.000</u></b>	<b><u>559.645.554</u></b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
(i) Phải thu khác	237.265.105	237.531.255
(ii) Tạm ứng	2.823.053.054	2.815.053.054
<b>Cộng</b>	<b><u>3.060.318.159</u></b>	<b><u>3.052.584.309</u></b>

(i) Bao gồm

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>207.060.605</i>	<i>207.060.605</i>
+ Nguyễn Ngọc Ánh	6.106.030	6.106.030
+ Phạm Đức Long	66.226.931	66.226.931
+ Nguyễn Quang Đức	128.129.782	128.129.782
+ Lê Văn Quang	6.597.862	6.597.862
<i>Chi nhánh Tam Kỳ</i>	<i>204.500</i>	<i>213.150</i>
<i>Chi nhánh Duy Xuyên</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.257.500</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>237.265.105</u></b>	<b><u>237.531.255</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(ii) Bao gồm

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>1.290.177.509</b>	<b>1.340.177.509</b>
+ Lê Minh Sơn	1.217.142.065	1.267.142.065
+ Đối tượng khác	73.035.444	73.035.444
<b>Chi Nhánh Tam Kỳ</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000</b>
<b>Chi Nhánh Duy Xuyên</b>	<b>1.532.875.545</b>	<b>1.472.875.545</b>
+ Hồ Quang Mỹ	115.129.932	115.129.932
+ Cao Thanh Hoàn	103.645.900	103.645.900
+ Trương Thị Quỳnh Trang	664.461.350	664.461.350
+ Nguyễn Thị Thanh Vân	365.651.652	365.651.652
+ Trương Thị Mỹ Hạnh	231.081.000	171.081.000
+ Đối tượng khác	52.905.711	52.905.711
<b>Cộng</b>	<b><u>2.823.053.054</u></b>	<b><u>2.815.053.054</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>450.296.027</b>	<b>-</b>
+ Hàng hóa	450.296.027	-
<b>Chi nhánh Tam Kỳ</b>	<b>296.493.983</b>	<b>87.780.588</b>
+ Hàng hóa	264.753.983	54.000.588
+ Công cụ dụng cụ	31.740.000	33.780.000
<b>Chi nhánh Duy Xuyên</b>	<b>71.552.504</b>	<b>138.084.108</b>
+ Hàng mua đang đi đường	-	11.000.000
+ Nguyên vật liệu	46.125.544	72.624.462
+ Hàng hóa	25.426.960	54.459.646
<b>Cộng</b>	<b><u>818.342.514</u></b>	<b><u>225.864.696</u></b>

**CÔNG TY CỔ XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4.401.119.827	65.000.000	130.000.000	4.596.119.827
Mua trong năm	-	-	570.136.364	570.136.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(65.000.000)	-	(65.000.000)
Giảm khác	(466.160.000)	-	-	(466.160.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.934.959.827</b>	<b>-</b>	<b>700.136.364</b>	<b>4.635.096.191</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.681.272.478	50.625.000	66.844.440	2.798.741.918
Khấu hao trong năm	131.537.277	-	25.447.849	156.985.126
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.625.000)	-	(50.625.000)
Giảm khác	(307.809.835)	-	-	(307.809.835)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.504.999.920</b>	<b>-</b>	<b>92.292.289</b>	<b>2.597.292.209</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	1.719.847.349	14.375.000	63.155.560	1.797.377.909
Tại ngày cuối năm	1.429.959.907	-	607.844.075	2.037.803.982

- Trong đó, giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 607.844.075 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<i>Văn phòng công ty</i>	<b>1.479.118.086</b>	<b>1.495.259.925</b>
+ Giá trị lợi thế đất nhà 204 Phan Chu Trinh	1.163.970.087	1.203.442.975
+ Giá trị lợi thế đất nhà 229 Phan Chu Trinh	254.163.150	291.816.950
+ Chi phí trả trước khác	60.984.849	-
<i>Chi nhánh Tam Kỳ</i>	<b>557.542.615</b>	<b>614.207.217</b>
+ Vị trí lợi thế nhà 475 Phan Chu Trinh	557.542.615	563.559.535
+ Các chi phí trả trước khác	-	50.647.682
<i>Chi nhánh Duy Xuyên</i>	<b>2.284.158.070</b>	<b>2.318.443.448</b>
+ Giá trị lợi thế khu nhà hàng khách sạn Mỹ Sơn	1.854.867.452	2.059.974.362
+ Các chi phí trả trước khác	429.290.618	258.469.086
<b>Cộng</b>	<b>4.320.818.771</b>	<b>4.427.910.590</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<i>Văn phòng công ty</i>	<b>181.319</b>	-
<i>Chi nhánh Duy Xuyên</i>	<b>104.063.640</b>	<b>175.103.312</b>
+ Công ty TNHH MTV thương mại & dịch vụ Lê Minh	-	18.026.760
+ Công ty TNHH MTV Phước Tài	-	14.644.020
+ Công ty dệt may 29/3 Đà Nẵng	79.000.040	79.000.040
+ Công ty liên doanh Vinasiam	4.000.000	4.000.000
+ Công ty TNHH Nguyên Hùng	-	9.763.636
+ Công ty muối Miền Trung	3.520.000	3.520.000
+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Nghĩa	17.543.600	-
+ Các đối tượng khác	-	46.148.856
<b>Cộng</b>	<b>104.244.959</b>	<b>175.103.312</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<b>2.839.693.966</b>	<b>1.912.974.220</b>
+ Thuế giá trị gia tăng	-	996.033
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.000.000	15.000.000
+ Tiền thuê đất	156.802.193	791.284.816
+ Các loại thuế khác	2.667.891.773	1.105.693.371
<i>Chi nhánh Tam Kỳ</i>	<b>417.650</b>	<b>213.150</b>
+ Thuế TNCN	417.650	213.150

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>Chi nhánh Duy Xuyên</i>	3.050.000	2.257.500
+ Thuế giá trị gia tăng	-	2.000.000
+ Thuế TNCN	3.050.000	257.500
<b>Cộng</b>	<b>2.843.161.616</b>	<b>1.915.444.870</b>

**10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>1.462.970.340</i>	<i>1.462.970.340</i>
+ Chi phí lãi vay ngân hàng	1.461.937.736 (*)	1.461.937.736
+ Trích trước tiền lương	1.032.604	1.032.604
<i>Chi nhánh Duy Xuyên</i>	<i>2.129.839</i>	<i>400.000</i>
+ Chi phí lãi vay cá nhân	2.129.839	400.000
<b>Cộng</b>	<b>1.465.100.179</b>	<b>1.463.370.340</b>

(\*) Chi phí lãi vay của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam.

**11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
(i) Doanh thu cho thuê mặt bằng	226.359.292	398.257.474
<b>Cộng</b>	<b>226.359.292</b>	<b>398.257.474</b>
(ii) Bao gồm		
	31/12/2015	01/01/2015
+ Văn phòng Công ty	152.429.089	204.327.271
+ Chi nhánh Duy Xuyên	73.930.203	193.930.203
<b>Cộng</b>	<b>226.359.292</b>	<b>398.257.474</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	73.885.421	72.722.685
Bảo hiểm xã hội	57.590.387	84.769.553
Bảo hiểm y tế	2.436.911	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.083.070	-
Phải trả, phải nộp khác	1.537.797.840	1.316.864.140
<b>Cộng</b>	<b>1.672.793.629</b>	<b>1.474.356.378</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	96.000.000	96.000.000

**CÔNG TY CỔ XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

<b>Chi nhánh Tam Kỳ</b>	<b>1.133.570.000</b>	<b>1.334.360.000</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Nam	1.133.570.000	1.334.360.000
<b>Chi nhánh Duy Xuyên</b>	<b>650.000.000</b>	<b>185.000.000</b>
+ Phạm Thị Vy Uyên	300.000.000	145.000.000
+ Lê Thị Hồng Loan	60.000.000	40.000.000
+ Châu Thị Thanh Việt	80.000.000	-
+ Trương Thị Mỹ Hạnh	210.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.879.570.000</b>	<b>1.615.360.000</b>

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Quảng Nam theo HĐTD số 6500H1/14105/NHNT ngày 05/06/2014:

- Hạn mức: 1.500.000.000 đồng.
- Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Lãi suất: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn VND phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh đối với từng giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng.
- Tài sản thế chấp: xe ô tô tải thùng có mui phủ hiệu Vinaxuki (1,39 tấn) và tài sản trên đất tại 475 Phan Chu Trinh, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam.

**14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>621.250.000</b>	<b>190.000.000</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	190.000.000	190.000.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi Nhánh Quảng Nam	431.250.000	-
<b>Chi nhánh Tam Kỳ</b>	<b>30.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
+ Trương Thị Năm	30.000.000	30.000.000
+ Lê Thị Khôn	-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>651.250.000</b>	<b>250.000.000</b>

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi Nhánh Quảng Nam theo HĐTD số TAK2015 0118/HĐTD ngày 03/10/2015:

- Hạn mức: 450.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại.
- Thời hạn vay: 18 tháng.
- Lãi suất: lãi suất áp dụng trong thời gian từ ngày 06/10/2015 đến ngày 31/12/2015 là 7,29%/năm và lãi suất cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/một lần.
- Tài sản thế chấp: 1 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: SUNNY, Màu: Nâu, sản xuất năm 2015, xe mới 100%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**15. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	6.131.970.000	(1.500.372.010)	4.631.597.990
Lãi trong năm trước	-	74.638.905	74.638.905
Số dư cuối năm trước	6.131.970.000	(1.425.733.105)	4.706.236.895
Số dư đầu năm nay	6.131.970.000	(1.425.733.105)	4.706.236.895
Lỗ trong năm	-	(193.510.078)	(193.510.078)
Số dư cuối năm	6.131.970.000	(1.619.243.183)	4.512.726.817

**16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng	11.904.020.875	16.455.242.340
+ Văn phòng Công ty	49.392.726	-
+ Chi nhánh Tam Kỳ	10.850.598.146	15.734.490.720
+ Chi nhánh Duy Xuyên	1.004.030.003	720.751.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	732.784.377	957.694.312
+ Văn phòng Công ty	109.625.455	90.079.999
+ Chi nhánh Tam Kỳ	-	11.827.273
+ Chi nhánh Duy Xuyên	623.158.922	855.787.040
Cộng	12.636.805.252	17.412.936.652

**17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	11.257.169.719	16.028.285.191
+ Văn phòng Công ty	47.773.654	-
+ Chi nhánh Tam Kỳ	10.589.739.488	15.449.477.632
+ Chi nhánh Duy Xuyên	619.656.577	578.807.559
Giá vốn dịch vụ	251.679.802	272.499.186
+ Chi nhánh Duy Xuyên	251.679.802	272.499.186
Cộng	11.508.849.521	16.300.784.377

**18. Chi phí tài chính**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	156.277.346	130.644.047
+ Văn phòng Công ty	6.127.747	-
+ Chi nhánh Tam Kỳ	92.169.760	125.094.047
+ Chi nhánh Duy Xuyên	57.979.839	5.550.000
Cộng	156.277.346	130.644.047

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**19. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Văn phòng Công ty	9.769.923	-
Chi nhánh Tam Kỳ	18.592.000	31.675.060
Chi nhánh Duy Xuyên	293.397.769	173.390.535
<b>Cộng</b>	<b>321.759.692</b>	<b>205.065.595</b>

**20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
Văn phòng Công ty	470.487.573	541.893.796
Chi nhánh Tam Kỳ	348.306.267	366.136.474
Chi nhánh Duy Xuyên	507.257.115	471.463.372
<b>Cộng</b>	<b>1.326.050.955</b>	<b>1.379.493.642</b>

**21. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>2.520.854.968</b>	<b>1.349.642.403</b>
+ Thu nhập từ đền bù GPMB	2.520.004.967	1.349.014.000
+ Thu nhập khác	850.001	628.403
<b>Chi nhánh Tam Kỳ</b>	<b>19.168.274</b>	<b>62.001.466</b>
<b>Chi nhánh Duy Xuyên</b>	<b>15.000.650</b>	<b>1.614.210.368</b>
+ Nhận tiền đền bù GPMB	15.000.000	1.604.755.823
+ Thu nhập khác	650	9.454.545
<b>Cộng</b>	<b>2.555.023.892</b>	<b>3.025.854.237</b>

**22. Chi phí khác**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>2.014.058.337</b>	<b>1.787.134.189</b>
+Giá trị lợi thế khu KĐTH Nam Phước	-	1.183.376.250
+Giảm TSCĐ do GPMB	158.350.165	-
+ Tiền phạt chậm thuế đất	1.563.323.002	564.660.064
+ Phạt vi phạm hành chính thuế	-	24.992.883
+ Chi phí khác	292.385.170	14.104.992
<b>Chi nhánh Tam Kỳ</b>	<b>14.375.899</b>	<b>14.434.920</b>
+ Thanh lý TSCĐ	14.375.000	-
+ Chi phí khác	899	14.434.920
<b>Chi nhánh Duy Xuyên</b>	<b>45.172.569</b>	<b>559.536.715</b>
+ Giảm TSCĐ và CCDC khu TTTM	-	552.096.367
+ Chi tiền đền bù GPMB	26.700.000	-
+ Chi phí khác	18.472.569	7.440.348
<b>Cộng</b>	<b>2.073.606.805</b>	<b>2.361.105.824</b>

**CÔNG TY CỔ XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG NAM**

Số 204 Phan Chu Trinh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.256.655.805	16.028.285.191
Chi phí cho nhân viên	618.675.162	449.785.172
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	40.299.870	149.869.586
Chi phí bảo hành	1.900.000	350.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	191.373.666	186.994.323
Thuế, phí và lệ phí	2.995.843	23.416.110
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.778.956	697.133.906
Chi phí khác bằng tiền	94.244.270	349.509.326
<b>Cộng</b>	<b>13.107.923.572</b>	<b>17.885.343.614</b>

**VI. Thông tin khác****1. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong BCTC.

**2. Thông tin về các bên liên quan****a. Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và kế toán trưởng Công ty**

Họ và tên	Chức danh	Số còn phải trả tại ngày 01/01/2015	Số phát sinh năm 2015	Số đã trả năm 2015	Số còn phải trả tại ngày 31/12/2015
Trần Văn Thanh	Giám đốc Công ty	13.754.000	87.078.000	87.078.000	-
Phan Phước Thành	Giám đốc CN Duy Xuyên	98.878.800	69.783.150	69.783.150	98.878.800
Nguyễn Nhơn	Quyền giám đốc – CN Tam Kỳ	11.477.000	73.416.000	73.416.000	-
Lê Thị Hồng Loan	Kế toán trưởng	8.924.000	57.465.500	57.465.500	-

**b. Tiền tạm ứng của Ban giám đốc và kế toán trưởng Công ty**

Họ và tên	Chức danh	Số còn phải trả tại ngày 01/01/2015	Số phát sinh năm 2015	Số đã trả năm 2015	Số còn phải trả tại ngày 31/12/2015
Trần Văn Thanh	Giám đốc Công ty	5.321.000	-	-	5.321.000
Phan Phước Thành	Giám đốc CN Duy Xuyên	11.807.600	-	-	11.807.600
Nguyễn Nhơn	Quyền giám đốc – CN Tam Kỳ	2.300.000	-	-	2.300.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**3. Thông tin so sánh**

a. Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh Miền Trung.

b. Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố về số dư của khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chi phí khác. Nguyên nhân do hóa đơn giá trị gia tăng trên 20.000.000 đồng nhưng đơn vị thanh toán bằng tiền mặt, vì vậy không đủ điều kiện để khấu trừ thuế theo quy định tại điều 15 của thông 219/2016/TT-BTC ngày 31/12/2013.

Nội dung	Mã số	31/12/2014 (Đã báo cáo)	Điều chỉnh	01/01/2015 (Sau điều chỉnh)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.913.444.870	2.000.000	1.915.444.870
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	155	(1.423.733.105)	(2.000.000)	(1.425.733.105)
<b>Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí khác	32	2.359.105.824	2.000.000	2.361.105.824

c. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư 200.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh như sau:

Nội dung	Mã số	31/12/2014 (Đã báo cáo)	Điều chỉnh	01/01/2015 (Sau điều chỉnh)
<b>Thực hiện chuyển đổi số dư theo thông tư 200</b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	237.531.255	2.815.053.054	3.052.584.309
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.815.053.054	(2.815.053.054)	-

**Lê Thị Hồng Loan**  
Người lập biểu

**Lê Thị Hồng Loan**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Thanh**  
Giám đốc  
Tam Kỳ, ngày 27/05/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Mẫu số B09-DN